

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2024/DS-ST

Ngày: 22/8/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Văn Minh**

2/ Ông **Nguyễn Văn Y**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Huy**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2024/QĐXXST-DS ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Thị T**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 60/25/5, đường LVD, Phường 1, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

Có đại diện theo ủy quyền là **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp BCD, xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 08/01/2024).

- Bị đơn:

1/ **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ 4, ấp MP, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2/ **Trần Thành Đ**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền

Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Trần Thành Đ là bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 4, ấp MP, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 08/8/2024).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp BCD, xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự bà T, bà T1, bà G có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 19/3/2024, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai cùng ngày 23/7/2024, biên bản hòa giải ngày 22/7/2024, ngày 08/8/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Trần Thị T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Do quan hệ bạn bè thân thiết nhiều năm (khoảng 10 năm) nên ngày 05/4/2022, khi nghe vợ chồng ông Đ, bà T1 cần tiền để mua phụ tùng sửa chữa xe bồn, bà G điện thoại cho bà T để nhờ bà T giúp đỡ cho hai người này, thì bà T đồng ý. Sau đó, bà G điện thoại lại cho cả hai lên nhà bà G ở xã TB, huyện CL, tỉnh Tiền Giang để nhận số tiền vay 100.000.000đồng vào tối ngày 06/4/2022. Đôi bên có lập hợp đồng mượn tiền ngày 06/4/2022, toàn bộ nội dung hợp đồng đều do bà T1 viết, có ông Đ chứng kiến và ông Đ đồng ý cùng bà T1 ký tên vào. Do thời hạn vay chỉ 01 tháng, nên bà T không yêu cầu tính lãi, coi như giúp không. Sau 01 tháng thì các bị đơn không trả nợ gốc, bà G và bà T có xuống nhà tìm bà T1 03 lần để đòi tiền, nhưng lần nào bà T1 cũng né tránh.

Nay bà T yêu cầu các bị đơn liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi của số nợ gốc này tính từ ngày 07/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi tạm tính đến ngày 23/7/2024 là 27 tháng 15 ngày x 100.000.000đồng x 0,83%/tháng = 22.825.000 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là 122.825.000đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Theo Bản tự khai ngày 30/7/2024, biên bản hòa giải ngày 22/7/2024, ngày 08/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Bà T1 thừa nhận toàn bộ nội dung Hợp đồng mượn tiền ngày 06/4/2022 là do bà viết, bà và ông Đ có ký và ghi rõ họ tên ở mục người vay, nhưng bà T1 khẳng định bà và ông Đ không có vay bà T số tiền 100.000.000 đồng. Từ trước đến nay, ông bà chỉ vay 01 lần duy nhất từ bà G số tiền 100.000.000đồng, thời gian vay không nhớ, lần vay đó bà G yêu cầu bà ghi tên bà Trần Thị T (người cho vay) thay vì ghi tên Nguyễn Thị G, bà có thắc mắc thì bà G nói hai vợ chồng bà G lục đục,

có thể ly hôn, nên ghi thế để tránh trường hợp không may xảy ra cho bà G. Số tiền này, bà và ông Đ đã trả xong cho bà G bằng cách cầm trù tiền hụi mà bà đã hót ở dây hụi tháng (02 tháng đóng 6.000.000đồng), nhưng bà không nhớ ngày khui và ngày mãn hụi. Lúc làm hợp đồng ngày 06/4/2022, không có mặt của bà T, bà G cũng không nói cho ông bà biết nguồn gốc 100.000.000đồng đó là của bà T cho vay.

Nay với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T1 không đồng ý trả nợ gốc và lãi, vì không có vay mượn tiền của bà T.

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2024, biên bản hoà giải ngày 22/7/2024, ngày 08/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đ trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của bị đơn T1. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, ông Đ không đồng ý, ngay cả khi yêu cầu trả lãi theo luật định cũng không đồng ý.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị G trình bày:*

Bà G là người cầm số tiền 100.000.000đồng của bà T để giúp cho ông Đ, bà T1 có tiền xử lý khó khăn. Số tiền này bà G khẳng định là của bà T cho ông Đ, bà T1 vay không lấy lãi, thời hạn vay là 01 tháng, bà chỉ là người chuyển giúp tiền của bà T đến tay hai người này. Ngày 06/4/2022, khi bà T1 làm hợp đồng mượn tiền, bà có nói cho bà T1 và ông Đ biết rõ số tiền 100.000.000đồng này là bà T cho mượn, nên bà T1 mới viết vào hợp đồng tên bà Trần Thị T.

Nay bà G thông nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T, ngoài ra bà không có yêu cầu gì đối với các bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay

- Bà T xác định lại thời gian tính lãi của số tiền 100.000.000đồng là từ ngày 07/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, nếu các bị đơn thừa nhận có vay và đồng ý trả cho bà T 100.000.000đồng, thì bà không yêu cầu tính lãi của số nợ này nữa; còn nếu tiếp tục chối cãi, không thừa nhận thì bà T yêu cầu Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà T1 thừa nhận bà và ông Đ còn nợ bà T 100.000.000đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần hàng tháng là 5.000.000đồng, trả liên tiếp nhiều tháng, bắt đầu trả từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ cho bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến:

+ *Về phần thủ tục*, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về việc giải quyết vụ án*, trên cơ sở phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 100.000.000đồng; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi của số nợ 100.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Xét nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không còn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi của số nợ 100.000.000đồng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3] - Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của bị đơn Nguyễn Thị T1, đồng thời là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Trần Thành Đ tại phiên tòa hôm nay là: Bà T1 và ông Đ còn nợ nguyên đơn Trần Thị T số tiền 100.000.000đồng theo Hợp đồng mượn tiền ngày 06/4/2022. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà T1 và ông Đ có vay của bà T số tiền 100.000.000đồng, đến nay vẫn chưa trả.

Các bị đơn xin trả dần nợ như lời bà T1 trình bày là gây thiệt thòi đến quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T, bà T cũng không đồng ý cho các bị đơn trả dần, mà yêu cầu trả đủ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không còn yêu cầu các bị đơn trả tiền lãi của số nợ 100.000.000đồng, theo lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 07/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp với phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] - Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì các bị đơn phải liên đới chịu án phí là: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466, Điều 280 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị T đối với các bị đơn Nguyễn Thị T1 và Trần Thành Đ.

Buộc các bị đơn Nguyễn Thị T1 và Trần Thành Đ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền **100.000.000 (một trăm triệu) đồng** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T1, ông Đ chậm thi hành số tiền nói trên cho bà T thì bà T1, ông Đ còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn Nguyễn Thị T1 và Trần Thành Đ liên đới chịu **5.000.000**(năm triệu) **đồng**.

- Hoàn lại nguyên đơn Trần Thị T số tiền **2.500.000** (hai triệu năm trăm nghìn) **đồng** tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011432 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS H. Châu Thành.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI